

Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	898.44	109.26	55.52
% ngày	0.28%	2.49%	0.33%
% tuần	-4.23%	-0.28%	-1.46%
% tháng	-9.38%	2.80%	-1.25%
% năm	-9.27%	1.51%	-0.14%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,183	459	362
TB 1 tuần	3,681	606	275
TB 1 tháng	3,612	492	308
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	646.93	7.03	222.62
Bán	886.42	17.78	228.19
Giá trị ròng	-239.49	-10.75	-5.56
Độ rộng TT			
Mã Tăng	207	79	167
Mã Giảm	94	54	84
Không Đổi	89	239	652
Chỉ số chính			
P/E	13.84	9.05	14.57
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,072	202	864
LS Cổ tức	2.57%	5.65%	5.01%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường diễn biến đầu phiên khá thận trọng khi tâm lý còn sự nghi ngại. Nhóm Ngân hàng diễn tích cực và dần lan tỏa sang nhóm cổ phiếu khác giúp chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 0.28% dừng tại 898.44 điểm. Chỉ số HNX-Index tăng mạnh 2.48% đóng cửa tại 109.26 điểm trong khi Upcom-Index cũng nổi gót tăng 0.32%. Giá trị giao dịch khớp lệnh xấp xỉ với phiên liền trước đạt gần 3,200 tỷ đồng toàn thị trường.

Nhóm bluechip đã có sự khởi sắc trở lại trong đó đầu tàu vẫn là nhóm Ngân hàng. Cụ thể, STB(+4%), MBB(+2%), TCB(+1.8%), CTG(+1.6%), HDB(+1.1%) trong đó STB tăng khá mạnh với thanh khoản tăng đạt hơn 13 triệu cp. Trên sàn HNX, SHB tăng kịch trần phiên thứ 2 liên tiếp với hơn 18 triệu đơn vị được khớp lệnh hôm nay. ACB tăng 3.7% đóng cửa tại 25,500 cũng là mức cao nhất phiên. Nhóm Chứng khoán cũng có mức tăng tích cực như SSI(+2.5%) HCM(+4.1%), VCI(+1.5%), SHS(+4.3%). Nhóm VN30-Index tiếp tục cho thấy sự diễn biến tích cực khi nhiều mã tăng giá như CTD(+3.8%), VNM(+2.3%), PLX(+2.2%), MWG(+2.1%), FPT(+1.8%). Ở chiều tiêu cực, SAB(-2.1%), VJC(-1.8%), VCB(-1.2%), GAS(-1.1%) yếu hơn thị trường chung. Nhóm Small-Cap ghi nhận mức tăng khá mạnh tiêu biểu DRH(+6.9%), IDI(+6.9%), EVG(+5.9%), KSB(+3.5%), TTB(+5.1%).

Khối ngoại tiếp tục động thái bán ròng với giá trị 255 tỷ đồng toàn thị trường. Họ bán ròng chủ yếu tại SVC(99.8 tỷ), MSN(39.1 tỷ), VHM(37.1 tỷ). Ở chiều ngược lại, khối này đảo chiều mua ròng VNM(70.6 tỷ) theo sau bởi CTG(13.4 tỷ).

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục trong phiên giao dịch kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại vùng giá 910 điểm. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy cho thấy thị trường có thể sẽ tiếp tục biến động hẹp trong vài phiên tới và dòng tiền có thể sẽ phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu cho thấy các nhà đầu tư có thể vẫn có cơ hội giải ngân mới ở giai đoạn hiện tại, nhưng tỷ trọng cổ phiếu vẫn ở mức thấp.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index và VN30 với mức kháng cự ở mức 918.51 điểm và 865.53 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn vẫn nên cơ cấu lại danh mục theo hướng giảm tỷ trọng cổ phiếu hiện hữu và chỉ mua mới với tỷ trọng thấp khi rủi ro của thị trường vẫn còn cao.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 23% cổ phiếu/77% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.70	GIẢM	GIẢM		13.29				13.23		
ACB	25.50	GIẢM	TĂNG		26.21			24.00	22.57	6.25%	
ACV	52.40	GIẢM	GIẢM		57.26				67.00		
ANV	17.60	GIẢM	GIẢM		18.79				21.46		
ASM	5.60	GIẢM	GIẢM		5.78				6.62		
BFC	12.15	TĂNG	GIẢM	11.20	11.45	8.48%			12.24		
BID	47.10	GIẢM	GIẢM		50.84			33.40	49.22	47.36%	
BMP	41.80	GIẢM	GIẢM		44.20				45.49		
BSR	7.40	GIẢM	GIẢM		7.89				8.84		
BVH	56.40	GIẢM	GIẢM		59.50				64.91		
BWE	20.70	GIẢM	GIẢM		21.82				22.61		
CEO	8.20	GIẢM	GIẢM		8.66				9.26		
CII	22.45	GIẢM	GIẢM		23.67			26.00	22.83	-12.20%	
CMG	30.70	GIẢM	GIẢM		32.71				34.69		
CMX	12.45	GIẢM	TĂNG		13.72			13.50	8.98	-7.78%	MUA
CSM	15.05	TĂNG	TĂNG	14.70	14.08	2.38%			14.75		
CTD	64.90	GIẢM	TĂNG		68.20			64.20	50.64	1.09%	MUA
CTG	26.20	GIẢM	TĂNG		26.93			23.55	24.15	11.25%	
CTR	46.50	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-3.53%		49.70	40.69	-6.44%	
CVT	19.45	GIẢM	GIẢM		20.27				21.66		
DCM	6.12	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	3.20%		6.18	5.44	-0.97%	MUA
DGC	24.30	GIẢM	GIẢM		25.11				26.93		
DGW	26.60	GIẢM	TĂNG		28.53			25.20	22.97	5.56%	
DHA	31.50	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	-1.10%			32.52		
DHC	36.50	GIẢM	TĂNG		38.58			37.70	36.02	-3.18%	
DHG	98.50	GIẢM	TĂNG		101.23			99.50	88.63	-1.01%	
DIG	12.70	GIẢM	GIẢM		13.44				13.14		
DPG	28.00	TĂNG	GIẢM	28.55	26.85	-1.93%			32.83		
DPM	12.05	GIẢM	GIẢM		12.58				12.75		
DPR	37.50	GIẢM	TĂNG		40.09			41.30	36.21	-9.20%	
DQC	14.50	GIẢM	GIẢM		14.53				16.06		
DRC	23.30	GIẢM	GIẢM		24.04				25.96		
DXG	12.20	GIẢM	GIẢM		12.89				13.70		
EIB	17.30	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-2.81%		18.40	16.46	-5.98%	
FCN	9.40	GIẢM	GIẢM		9.88				10.51		



We Create Fortune

FMC	23.70	GIẢM	GIẢM		24.92				26.56		
FPT	56.00	TĂNG	GIẢM	56.00	55.68	0.00%	MUA		56.69		
GAS	79.00	GIẢM	GIẢM		85.31				92.82		
GEX	18.30	GIẢM	GIẢM		19.27				20.60		
GIL	19.40	GIẢM	TĂNG		20.54			18.90	17.41	2.65%	
GMD	19.15	GIẢM	GIẢM		19.95				21.10		
GTN	16.50	GIẢM	GIẢM		18.63				19.23		
GVR	12.50	TĂNG	GIẢM	11.80	10.85	5.93%			12.77		
HAG	3.33	GIẢM	GIẢM		3.49				3.97		
HAX	12.55	GIẢM	GIẢM		13.68				16.38		
HBC	10.45	GIẢM	GIẢM		10.93				12.07		
HCM	17.80	GIẢM	GIẢM		18.60				21.47		
HDB	28.00	GIẢM	TĂNG		29.03			29.95	25.76	-6.51%	
HDC	20.60	GIẢM	GIẢM		21.93				23.28		
HDG	27.30	GIẢM	GIẢM		28.27				29.65		
HNG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.78				14.51		
HPG	22.95	GIẢM	GIẢM		24.06			23.85	23.23	-2.62%	
HSG	7.80	GIẢM	TĂNG		8.29			7.75	7.52	0.65%	
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-14.20%	
HUT	2.00	GIẢM	GIẢM		2.19				2.58		
HVN	23.50	GIẢM	GIẢM		25.26				30.61		
KBC	14.55	GIẢM	TĂNG		15.21			15.35	14.21	-5.21%	
KDH	24.80	GIẢM	GIẢM		25.00				26.33		
KSB	19.15	GIẢM	TĂNG		19.32				17.89		
LCG	6.37	GIẢM	GIẢM		6.82				7.57		
LDG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.59				7.94		
LHG	14.50	GIẢM	GIẢM		15.16				16.11		
LPB	7.10	GIẢM	TĂNG		7.25			7.40	6.18	-4.05%	MUA
MBB	20.90	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MPC	23.70	TĂNG	TĂNG	22.00	22.01	7.73%		24.10	19.14	-1.66%	
MSN	49.70	GIẢM	GIẢM	53.00	49.73	-6.18%	BÁN		56.41		
MSR	14.60	TĂNG	GIẢM	15.00	13.58	-2.67%			16.05		
MWG	108.40	GIẢM	GIẢM		110.77				118.39		
NDN	15.60	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	1.30%			16.36		
NKG	8.51	GIẢM	GIẢM		8.80				9.51		
NLG	25.30	GIẢM	GIẢM		25.92			28.70	26.30	-8.38%	
NT2	19.95	GIẢM	TĂNG		20.29			20.55	18.73	-2.92%	
NTL	20.80	GIẢM	GIẢM		21.54				23.30		
NVL	53.90	GIẢM	GIẢM		55.72				58.61		



We Create Fortune

OIL	6.90	GIẢM	GIẢM		7.25			8.38		
PAC	23.00	GIẢM	GIẢM		23.97			25.39		
PC1	14.50	GIẢM	GIẢM		15.59			17.81		
PDR	25.90	TĂNG	TĂNG	26.50	25.06	-2.26%	29.00	25.19	-10.69%	
PHR	45.30	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	17.66%		43.76		
PLX	51.20	GIẢM	GIẢM		52.45			55.87		
PNJ	83.50	GIẢM	GIẢM		85.68			89.93		
POW	10.10	GIẢM	GIẢM		10.58			11.22		
PVT	12.40	GIẢM	GIẢM		13.04			14.77		
PPC	28.05	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	4.66%	28.40	24.39	-1.23%	
PTB	64.00	GIẢM	GIẢM		67.24			72.44		
PVB	15.00	GIẢM	GIẢM		16.10			18.89		
PVD	12.40	GIẢM	GIẢM		13.22			14.83		
PVI	31.30	TĂNG	GIẢM	32.00	31.05	-2.19%		33.18		
PVS	15.40	GIẢM	GIẢM		16.52			18.18		
PXS	5.40	GIẢM	TĂNG		5.91		6.20	4.92	-12.90%	
QNS	26.10	GIẢM	TĂNG		27.54		29.50	26.05	-11.53%	MUA
REE	34.60	GIẢM	GIẢM		35.35			36.65		
SAB	173.20	GIẢM	GIẢM		187.31			214.45		
SAM	9.69	GIẢM	TĂNG		10.20		7.40	8.86	30.95%	
SCR	5.17	GIẢM	GIẢM		5.49			5.86		
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.13		6.99	8.30	28.76%	
SJS	19.80	TĂNG	TĂNG	16.90	19.10	17.16%	17.00	15.29	16.47%	
SKG	10.50	GIẢM	GIẢM		11.10			12.46		
SSI	16.50	GIẢM	GIẢM		17.13			19.29		
STB	11.65	GIẢM	TĂNG		11.67		10.20	10.14	14.22%	
TCB	22.75	GIẢM	GIẢM		23.03			23.81		
TCM	18.65	GIẢM	GIẢM		20.00		20.65	18.90	-8.47%	
TDH	9.90	GIẢM	GIẢM		10.05			10.67		
TLH	3.18	GIẢM	GIẢM		3.47			4.00		
TNG	14.10	GIẢM	TĂNG		15.14		15.50	13.32	-9.03%	
VCB	84.00	GIẢM	GIẢM		88.19		62.00	86.74	39.90%	
VCG	24.50	TĂNG	GIẢM	24.50	24.48	0.00%	MUA	26.88		
VCS	68.80	GIẢM	GIẢM		72.70			77.55		
VGC	18.40	TĂNG	GIẢM	18.10	17.65	1.66%		18.80		
VGT	8.40	GIẢM	TĂNG		8.81		9.10	7.69	-7.69%	
VHC	31.45	GIẢM	GIẢM		34.63			38.00		
VHM	80.80	GIẢM	GIẢM		85.35			91.72		
VIB	18.40	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	1.10%	17.70	16.56	3.95%	

We Create Fortune

VIC	105.60	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-4.00%		112.00	117.72	5.11%	BÁN
VIP	5.19	GIẢM	TĂNG		5.32			5.54	4.85	-6.32%	MUA
VJC	122.80	GIẢM	GIẢM		128.65				136.53		
VND	13.70	GIẢM	TĂNG		14.33			14.70	13.53	-6.80%	
VNG	16.95	GIẢM	GIẢM		17.95				20.46		
VNM	107.40	GIẢM	GIẢM		110.55				116.15		
VPB	28.35	GIẢM	TĂNG		29.41			21.90	22.87	29.45%	
VPI	41.90	TĂNG	TĂNG	42.45	41.79	-1.30%		41.30	40.58	1.45%	
VRC	6.82	GIẢM	GIẢM		7.54				9.77		
VRE	29.00	GIẢM	GIẢM		30.95				33.88		
VSC	24.30	GIẢM	GIẢM		25.29			27.00	24.46	-9.40%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	25.50	GIẢM	TĂNG		26.21			24.00	22.57	6.25%	
BID	47.10	GIẢM	GIẢM		50.84			33.40	49.22	47.36%	
BSR	7.40	GIẢM	GIẢM		7.89				8.84		
BVH	56.40	GIẢM	GIẢM		59.50				64.91		
CTG	26.20	GIẢM	TĂNG		26.93			23.55	24.15	11.25%	
FPT	56.00	TĂNG	GIẢM	56.00	55.68	0.00%	MUA		56.69		
GAS	79.00	GIẢM	GIẢM		85.31				92.82		
GEX	18.30	GIẢM	GIẢM		19.27				20.60		
GVR	12.50	TĂNG	GIẢM	11.80	10.85	5.93%			12.77		
HDB	28.00	GIẢM	TĂNG		29.03			29.95	25.76	-6.51%	
HNG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.78				14.51		
HPG	22.95	GIẢM	GIẢM		24.06			23.85	23.23	-2.62%	
HVN	23.50	GIẢM	GIẢM		25.26				30.61		
KDH	24.80	GIẢM	GIẢM		25.00				26.33		
MBB	20.90	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MSN	49.70	GIẢM	GIẢM	53.00	49.73	-6.18%	BÁN		56.41		
MWG	108.40	GIẢM	GIẢM		110.77				118.39		
NVL	53.90	GIẢM	GIẢM		55.72				58.61		
OIL	6.90	GIẢM	GIẢM		7.25				8.38		
PLX	51.20	GIẢM	GIẢM		52.45				55.87		
PNJ	83.50	GIẢM	GIẢM		85.68				89.93		
POW	10.10	GIẢM	GIẢM		10.58				11.22		

We Create Fortune

QNS	26.10	GIẢM	TĂNG		27.54			29.50	26.05	-11.53%	
REE	34.60	GIẢM	GIẢM		35.35				36.65		
ROS	7.78	GIẢM	GIẢM		8.95				11.75		
SBT	22.10	TĂNG	TĂNG	18.50	20.99	19.46%		17.50	17.78	26.29%	
SSI	16.50	GIẢM	GIẢM		17.13				19.29		
STB	11.65	GIẢM	TĂNG		11.67			10.20	10.14	14.22%	
TCB	22.75	GIẢM	GIẢM		23.03				23.81		
TPB	21.45	GIẢM	GIẢM		21.48				23.94		
VCB	84.00	GIẢM	GIẢM		88.19			62.00	86.74	39.90%	
VCG	24.50	TĂNG	GIẢM	24.50	24.48	0.00%	MUA		26.88		
VCS	68.80	GIẢM	GIẢM		72.70				77.55		
VEA	40.70	GIẢM	GIẢM		43.14				59.45		
VGI	27.90	GIẢM	TĂNG		29.76			28.30	21.71	-1.41%	
VHM	80.80	GIẢM	GIẢM		85.35				91.72		
VIB	18.40	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	1.10%		15.00	16.56	22.63%	
VIC	105.60	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-4.00%			117.72		
VJC	122.80	GIẢM	GIẢM		128.65				136.53		
VNM	107.40	GIẢM	GIẢM		110.55				116.15		
VPB	28.35	GIẢM	TĂNG		29.41			21.90	22.87	29.45%	
VRE	29.00	GIẢM	GIẢM		30.95				33.88		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.70	GIẢM	GIẢM		13.29			13.30	13.23	-0.51%	MUA
ANV	17.60	GIẢM	GIẢM		18.79				21.46		
ASM	5.60	GIẢM	GIẢM		5.78				6.62		
BMI	22.70	GIẢM	GIẢM		23.32				26.38		
BMP	41.80	GIẢM	GIẢM		44.20				45.49		
BWE	20.70	GIẢM	GIẢM		21.82				22.61		
CEO	8.20	GIẢM	GIẢM		8.66				9.26		
CII	22.45	GIẢM	GIẢM		23.67			26.00	22.83	-12.20%	
CRE	22.40	GIẢM	GIẢM		22.86				23.88		
CTI	22.10	TĂNG	GIẢM	22.20	20.45	-0.45%			23.07		
CTR	46.50	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-3.53%		43.70	40.69	6.41%	
D2D	61.40	TĂNG	GIẢM	54.90	58.12	11.84%		64.00	62.57	-2.24%	MUA
DBD	48.30	GIẢM	GIẢM		50.99				60.29		

We Create Fortune

DCM	6.12	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	3.20%		6.18	5.44	-0.97%	
DGW	26.60	GIẢM	TĂNG		28.53			25.20	22.97	5.56%	
DHC	36.50	GIẢM	TĂNG		38.58			37.70	36.02	-3.18%	
DIG	12.70	GIẢM	GIẢM		13.44			13.20	13.14	-0.44%	MUA
DPG	28.00	TĂNG	GIẢM	28.55	26.85	-1.93%			32.83		
DPM	12.05	GIẢM	GIẢM		12.58				12.75		
DRC	23.30	GIẢM	GIẢM		24.04				25.96		
DXG	12.20	GIẢM	GIẢM		12.89				13.70		
E1VFN30	14.12	TĂNG	GIẢM	14.68	13.84	-3.81%			15.42		
FCN	9.40	GIẢM	GIẢM		9.88				10.51		
FLC	3.85	GIẢM	GIẢM		4.02				4.74		
GEG	22.00	GIẢM	GIẢM		23.45				26.69		
GMD	19.15	GIẢM	GIẢM		19.95				21.10		
GTN	16.50	GIẢM	GIẢM		18.63				19.23		
HAG	3.33	GIẢM	GIẢM		3.49				3.97		
HBC	10.45	GIẢM	GIẢM		10.93				12.07		
HCM	17.80	GIẢM	GIẢM		18.60				21.47		
HDC	20.60	GIẢM	GIẢM		21.93				23.28		
HDG	27.30	GIẢM	GIẢM		28.27				29.65		
HPX	26.60	GIẢM	#N/A		27.75			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.80	GIẢM	TĂNG		8.29			7.75	7.52	0.65%	
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-14.20%	
HTM	16.10	GIẢM	TĂNG		18.49			20.00	15.34	-19.50%	
IBC	20.95	TĂNG	GIẢM	20.80	20.32	0.72%			21.22		
IDI	4.35	TĂNG	GIẢM	4.35	4.27	0.00%	MUA		4.85		
IJC	13.30	GIẢM	GIẢM		13.95				15.38		
ITA	2.27	GIẢM	GIẢM		2.41				2.57		
KBC	14.55	GIẢM	TĂNG		15.21			14.85	14.21	-2.00%	
KDC	18.40	GIẢM	GIẢM		18.85				20.24		
KOS	27.30	GIẢM	TĂNG		28.71			26.30	26.55	3.80%	
KSB	19.15	GIẢM	TĂNG		19.32			19.10	17.89	0.26%	MUA
LDG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.59				7.94		
LPB	7.10	GIẢM	TĂNG		7.25			7.40	6.18	-4.05%	
MBG	15.60	GIẢM	GIẢM		18.19				26.71		
MBS	10.90	GIẢM	GIẢM		11.80				13.68		
MPC	23.70	TĂNG	TĂNG	22.00	22.01	7.73%		24.10	19.14	-1.66%	
NBB	19.20	GIẢM	GIẢM		20.14				22.02		
NKG	8.51	GIẢM	GIẢM		8.80				9.51		



We Create Fortune

NLG	25.30	GIẢM	GIẢM		25.92			26.28	26.30	0.06%	BÁN
NT2	19.95	GIẢM	TĂNG		20.29			20.55	18.73	-2.92%	
NTL	20.80	GIẢM	GIẢM		21.54				23.30		
NVB	8.80	GIẢM	TĂNG		9.32			8.50	8.62	3.53%	
OGC	3.27	GIẢM	GIẢM		3.48				3.80		
PC1	14.50	GIẢM	GIẢM		15.59				17.81		
PDR	25.90	TĂNG	TĂNG	26.50	25.06	-2.26%		23.59	25.19	9.77%	
PHR	45.30	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	17.66%		47.20	43.76	-4.03%	MUA
PPC	28.05	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	4.66%		28.40	24.39	-1.23%	
PTB	64.00	GIẢM	GIẢM		67.24				72.44		
PVD	12.40	GIẢM	GIẢM		13.22				14.83		
PVI	31.30	TĂNG	GIẢM	32.00	31.05	-2.19%			33.18		
PVS	15.40	GIẢM	GIẢM		16.52				18.18		
PVT	12.40	GIẢM	GIẢM		13.04				14.77		
QCG	4.00	TĂNG	GIẢM	4.00	3.79	0.00%	MUA		4.13		
SCR	5.17	GIẢM	GIẢM		5.49				5.86		
SGP	6.30	GIẢM	GIẢM		6.78				7.68		
SHB	8.80	TĂNG	TĂNG	8.00	6.83	10.00%		7.10	6.09	23.94%	
SHS	7.20	TĂNG	GIẢM	7.20	7.17	0.00%	MUA		7.73		
SZC	17.55	GIẢM	GIẢM		18.11				17.81		
TCH	34.15	GIẢM	GIẢM		39.86			26.15	40.21	53.76%	
TCM	18.65	GIẢM	GIẢM		20.00			20.65	18.90	-8.47%	
TDH	9.90	GIẢM	GIẢM		10.05				10.67		
TNG	14.10	GIẢM	TĂNG		15.14			15.50	13.32	-9.03%	
TTB	3.50	GIẢM	GIẢM		3.67				5.49		
VGC	18.40	TĂNG	GIẢM	18.10	17.65	1.66%			18.80		
VGT	8.40	GIẢM	TĂNG		8.81			9.10	7.69	-7.69%	
VHC	31.45	GIẢM	GIẢM		34.63				38.00		
VND	13.70	GIẢM	TĂNG		14.33			14.70	13.53	-6.80%	
VNG	16.95	GIẢM	GIẢM		17.95				20.46		
VPI	41.90	TĂNG	TĂNG	42.45	41.79	-1.30%		41.30	40.58	1.45%	

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	6.80	GIẢM	GIẢM		7.27				8.20		
AGR	3.31	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-8.06%			3.77		
AMD	2.12	GIẢM	GIẢM		2.26				2.28		
APG	9.75	GIẢM	TĂNG		10.59			9.90	9.37	-1.52%	
ART	2.40	GIẢM	TĂNG		2.60			2.30	2.12	4.35%	
BCG	6.13	TĂNG	GIẢM	6.59	5.75	-6.98%			7.34		
C4G	5.70	GIẢM	GIẢM		6.18				6.98		
C69	7.00	TĂNG	GIẢM	6.30	6.45	11.11%			10.52		
CCL	5.94	GIẢM	GIẢM		6.49				7.40		
CVT	19.45	GIẢM	GIẢM		20.27				21.66		
DAH	8.64	GIẢM	GIẢM		9.01				10.27		
DLG	1.82	GIẢM	GIẢM		2.04				2.21		
DRH	5.58	TĂNG	TĂNG	3.63	4.30	53.72%		4.70	4.24	18.72%	MUA
DTD	11.80	TĂNG	TĂNG	10.80	10.36	9.26%			11.67		
EVG	2.53	TĂNG	GIẢM	2.55	2.27	-0.78%			2.74		
FIT	7.49	GIẢM	GIẢM		8.68				9.74		
FTM	2.00	TĂNG	GIẢM	1.84	1.91	8.70%			2.92		
FUES SV50	12.40	GIẢM	GIẢM		12.40				12.91		
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	15.27	3.33%		14.90	14.87	4.03%	
HAH	10.45	GIẢM	GIẢM		11.58				11.79		
HAI	2.62	GIẢM	GIẢM		2.86				3.33		
HAR	3.25	GIẢM	GIẢM		3.43				4.02		
HDA	7.70	GIẢM	GIẢM		8.44				9.98		
HHP	12.70	GIẢM	GIẢM		12.89				13.13		
HHS	4.29	GIẢM	TĂNG		4.52			3.36	3.61	27.68%	
HID	2.45	TĂNG	TĂNG	2.36	2.36	3.81%		2.63	2.16	-6.84%	
HII	14.10	TĂNG	TĂNG	9.61	12.65	46.72%		11.00	8.94	28.18%	
HQC	1.04	GIẢM	GIẢM		1.10				1.15		
HSL	6.00	GIẢM	GIẢM		6.32				7.43		
HUT	2.00	GIẢM	GIẢM		2.19				2.58		
HVG	7.20	GIẢM	TĂNG		7.65			3.90	6.94	84.62%	
HVH	10.80	GIẢM	GIẢM		11.80				14.11		
IDJ	19.60	TĂNG	TĂNG	9.20	15.69	113.04%		7.20	7.27	172.22%	
JVC	3.49	GIẢM	GIẢM		3.65				3.79		



We Create Fortune

KLF	1.40	TĂNG	TĂNG	1.60	1.28	-12.50%		1.50	1.33	-6.67%	
LCG	6.37	GIẢM	GIẢM		6.82				7.57		
LGL	6.00	GIẢM	GIẢM		6.58				7.56		
LHG	14.50	GIẢM	GIẢM		15.16				16.11		
LMH	2.15	GIẢM	GIẢM		2.52				4.48		
MST	6.50	GIẢM	TĂNG		6.87			3.40	4.69	91.18%	
NDN	15.60	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	1.30%			16.36		
PHC	10.70	GIẢM	GIẢM		10.91				11.50		
PLP	9.38	TĂNG	GIẢM	10.05	8.61	-6.67%			10.52		
PVB	15.00	GIẢM	GIẢM		16.10				18.89		
PVC	6.30	TĂNG	GIẢM	6.50	6.08	-3.08%			6.78		
PVX	1.00	GIẢM	GIẢM		1.17				1.30		
PXL	8.70	TĂNG	TĂNG	8.10	8.14	7.41%		6.70	6.66	29.85%	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.13			5.77	8.30	56.11%	
SJF	1.61	GIẢM	GIẢM		1.77				2.06		
SPP	1.50	GIẢM	GIẢM		1.73				2.15		
TDC	8.14	GIẢM	GIẢM		8.37				8.84		
TIG	7.30	TĂNG	TĂNG	6.40	6.74	14.06%		3.20	5.54	128.13%	
TLH	3.18	GIẢM	GIẢM		3.47				4.00		
TNA	17.50	GIẢM	GIẢM	19.40	17.61	-9.24%	BÁN		21.92		
TNI	10.05	GIẢM	TĂNG		10.28			10.90	9.99	-7.80%	
TSC	2.10	GIẢM	GIẢM		2.43				2.94		
TTF	2.82	TĂNG	GIẢM	2.58	2.64	9.30%		2.85	2.83	-0.79%	MUA
TTH	2.50	GIẢM	GIẢM		2.71				2.88		
TVC	28.60	GIẢM	TĂNG		31.31			14.30	21.79	100.00%	
VC3	16.30	GIẢM	GIẢM		16.83			22.00	16.32	-25.80%	
VCR	12.50	TĂNG	TĂNG	9.40	11.64	32.98%		12.90	12.09	-3.10%	MUA
VNA	3.00	TĂNG	GIẢM	3.10	2.70	-3.23%			3.80		
VNE	3.63	GIẢM	GIẢM		3.77				3.70		
VRC	6.82	GIẢM	GIẢM		7.54				9.77		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	898.44	0.28%	HNI	109.26	2.49%	UPCoM	55.52	0.33%
VN30	848.34	0.79%	HN30	191.35	2.88%			
VN Mid	873.28	0.40%	VNX	806.38	0.70%			
VN Small	728.52	1.17%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	646.93		Mua	7.03		Mua	222.62	
Bán	886.42		Bán	17.78		Bán	228.19	
GT ròng	-239.49		GT ròng	-10.75		GT ròng	-5.56	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HHS	280	6.98%	SHB	800	10.00%	GVR	700	5.93%
IDI	280	6.88%	IDJ	1300	7.10%	VIB	800	4.55%
DCL	1350	6.78%	MBG	700	4.70%	LPB	300	4.41%
NCT	3700	5.86%	SHS	300	4.35%	CTR	1000	2.20%
GAB	4500	4.86%	ACB	900	3.66%	BSR	100	1.37%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AST	-4100	-6.91%	DHT	-800	-1.71%	DVN	-500	-3.79%
TCH	-2400	-6.57%	NVB	-100	-1.12%	PXL	-100	-1.14%
TNA	-750	-4.11%	NDN	-100	-0.64%	NTC	-1300	-0.79%
SJS	-700	-3.41%	L14	-200	-0.38%	HND	-100	-0.61%
IMP	-1600	-2.66%	PVS	0	0.00%	ACV	-300	-0.57%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	358,199		ACB	40,750		ACV	114,734	
VCB	315,255		SHB	14,043		VEA	54,359	
VHM	266,122		VCG	10,734		MCH	47,899	
BID	189,035		VCS	10,720		GVR	47,384	
VNM	182,845		PVS	7,361		BCM	25,454	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
STB	13,069,630	9,852,974	SHB	18,183,092	12,294,118	ACV	4,601,400	162,100
CTG	6,092,580	9,332,966	ACB	5,309,790	4,953,928	VIB	1,355,949	1,394,286
VPB	4,578,741	4,884,610	NVB	2,744,100	2,160,617	GVR	1,318,652	635,305
HPG	4,435,920	7,483,930	ART	2,046,953	1,495,116	LPB	985,927	1,378,866
MBB	4,046,120	8,245,228	PVS	1,821,263	2,216,218	BSR	791,522	1,456,329

Nguồn: Bloomberg & YSVN

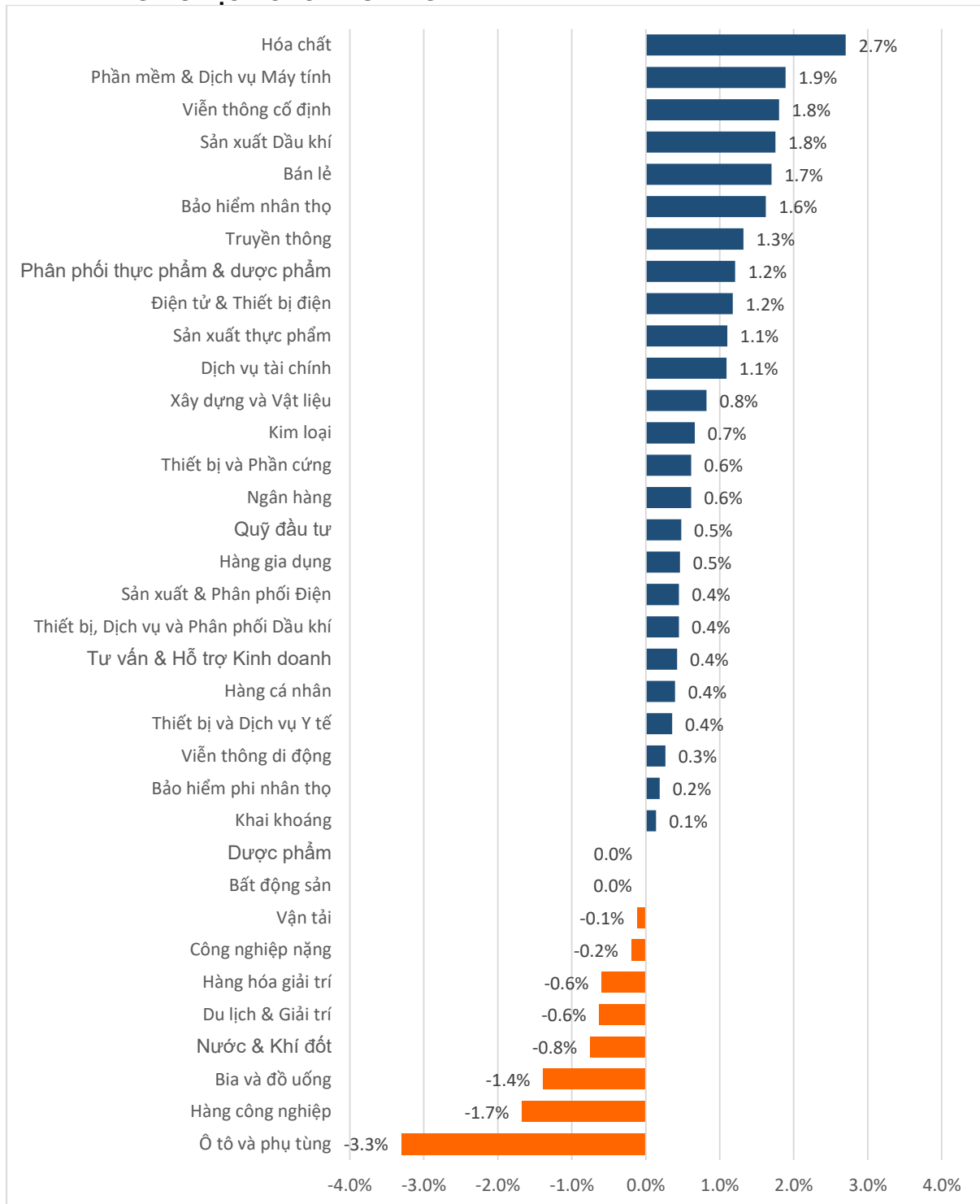
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



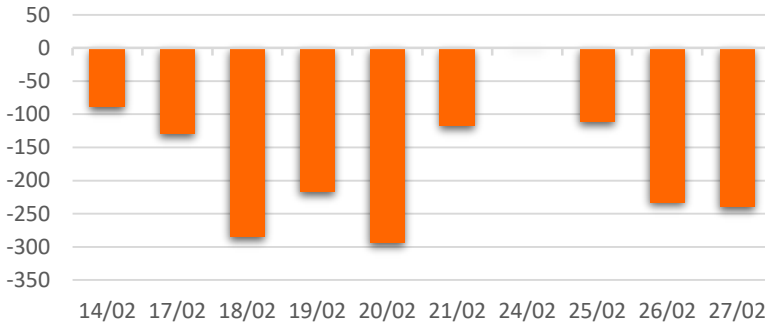
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

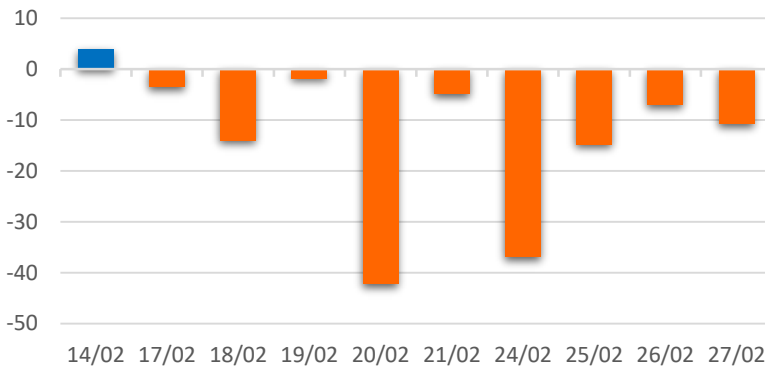
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	70,623	SVC	89,796
CTG	13,428	MSN	39,191
HPG	7,015	VHM	37,152
VCB	5,018	VRE	19,354
NKG	3,996	VCI	18,466

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

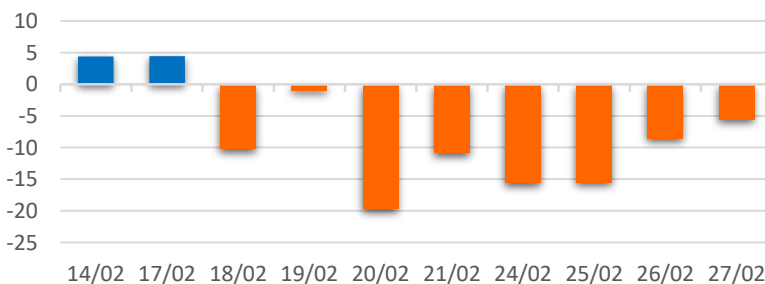
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCS	3,061	PVS	5,099
SLS	295	TIG	3,282
NBC	237	SHB	3,020
CEO	151	IVS	1,174
ART	140	NTP	1,073

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	78	ACV	942
TTN	38	VEA	872
VHG	24	CTR	709
ICF	22	MPC	707
PSL	17	LTG	430

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



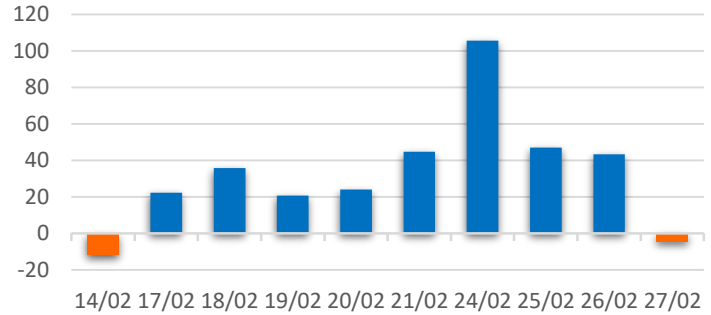
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

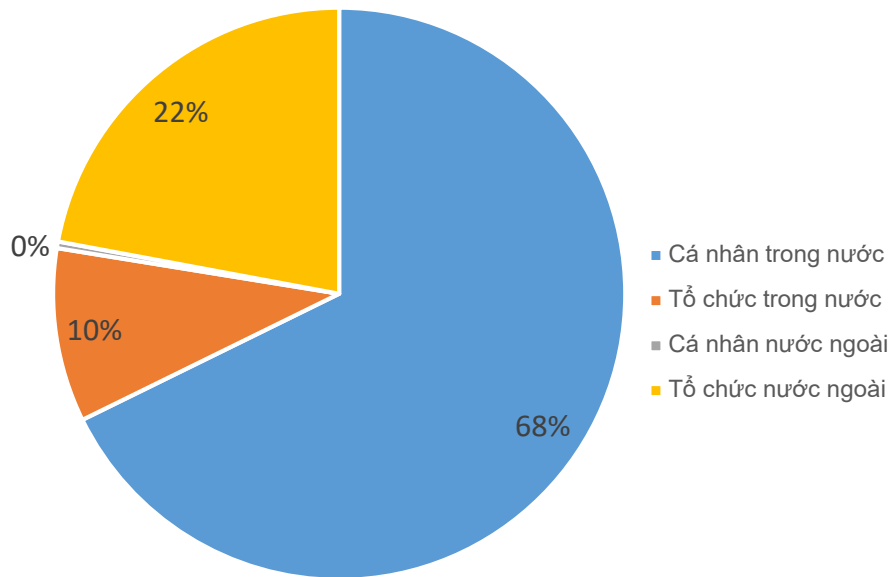
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MWG	33,350	VCB	41,562
E1VFN30	14,727	MWG	17,710
FPT	12,712	FPT	16,267
REE	9,353	MBB	8,598
MBB	7,189	E1VFN30	6,366

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

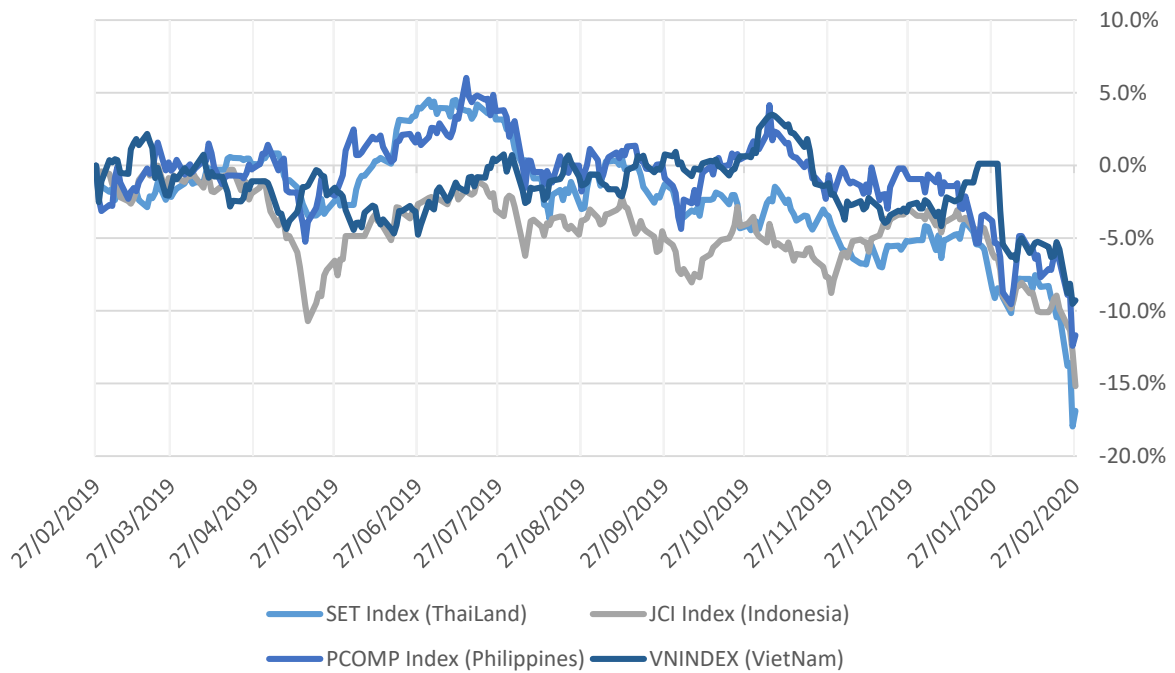


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

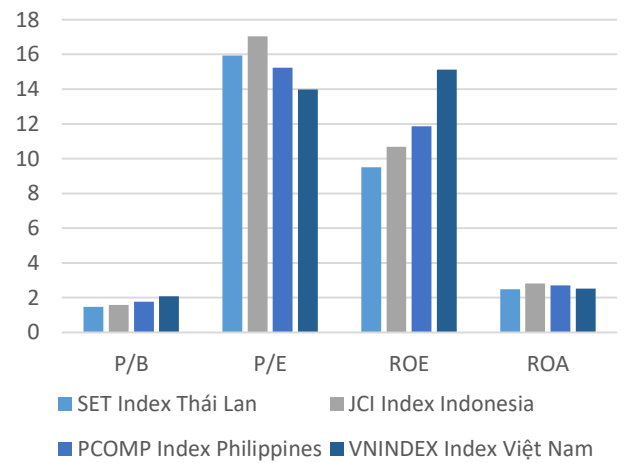
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.5x	1.6x	1.8x	2.1x
P/E		15.9x	17.0x	15.2x	14.0x
ROE	%	9.51	10.68	11.85	15.13
ROA	%	2.48	2.81	2.71	2.52
Vốn hóa	Tỷ USD	462.51	470.91	169.41	131.99
GTGD	Triệu USD	2.54	0.40	0.16	0.11
LS cổ tức	%	3.79	2.72	1.78	2.22

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written